

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/ST- HNGĐ

Ngày: 03/7/2018

Về việc: “Ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lua – Hội trưởng hội Liên hiệp phụ nữ huyện Tiên Du;

Bà Nguyễn Thị Xuyên – Phó Hội trưởng hội nông dân huyện Tiên Du

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 06/6/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/QĐ-HPT ngày 26/6/2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1981, có mặt;

HKTT: Thôn L, xã Tri P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

Nơi ở: R46 KĐT PĐ, P. ĐN, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh;

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1975,

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Tri P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác, nguyên đơn chị Phan Thị Lệ trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Tiến H vào ngày 26/12/1998. Trước khi cưới có được tìm hiểu tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tri P, huyện T. Sau ngày cưới, vợ chồng sống chung cùng bố mẹ chồng được khoảng 09 tháng thì ở riêng. Sau đó, vì đặc thù công việc mỗi người mỗi nghề, chị lập nghiệp ở thị xã Từ Sơn, còn anh H mở xưởng cơ khí tại nhà. Quá trình chung sống, theo chị không có hạnh phúc ngay từ thời gian đầu. Nguyên nhân là do anh H chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không có trách nhiệm với gia đình. Bản thân chị nhiều lần

phải trả nợ cờ bạc cho chồng và cũng đã khuyên bảo anh từ bỏ cờ bạc nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, không có khả năng về đoàn tụ. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 18/4/2000; Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/5/2002; Nguyễn Thị Q, sinh ngày 30/4/2004 và Nguyễn Tiến H, sinh ngày 22/9/2008. Hiện các con đang ở cùng mẹ. Cháu L hiện đã trưởng thành, chị không có ý kiến gì. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả 03 con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đang kinh doanh dịch vụ, giải trí tại khu đô thị PĐ, phường ĐN, thị xã T thu nhập khoảng 15.000.000đ đến 20.000.000đ/tháng; có nhà đất ổn định. Chị nhận thấy với mức thu nhập và điều kiện sống như hiện nay, đủ điều kiện để trang trải cuộc sống của mấy mẹ con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến H trình bày tại biên bản ghi lời khai: Thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn và con chung của vợ chồng. Mặc dù vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm ai nhưng vì các con còn nhỏ, anh không muốn các con sống thiếu thốn tình cảm gia đình. Do vậy, anh không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Trường hợp ly hôn, anh đồng ý với thỏa thuận của chị L giao cả 03 con là Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị Q và Nguyễn Tiến H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; Còn cháu Nguyễn Thùy L đã thành niên, có sức khỏe & có khả năng lao động nuôi sống bản thân, anh không có ý kiến gì. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Phan Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đề nghị được nuôi cả 3 con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tiến hành tố tụng tại phiên tòa; sau khi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điều 56, 81,82,83 – Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị L được ly hôn với anh H; Giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng 03 con Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị Q và Nguyễn Tiến H. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các đương sự đều không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự trong vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị Phan Thị L. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã có bản tự khai, được ghi lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 26/6/2018, chị L vắng mặt không có lý do, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tiến H.

2. Về nội dung vụ án

Chị Phan Thị L và anh Nguyễn Tiến H kết hôn vào ngày 26/12/1998 trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng đều xác định có mâu thuẫn. Chị L yêu cầu ly hôn với anh H. Anh H xác nhận tình trạng vợ chồng như chị L trình bày là đúng nhưng anh vẫn không đồng ý ly hôn và cũng không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ.

HĐXX xét thấy: Cuộc sống vợ chồng chị L, anh H không hòa thuận, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không thể trở về tiếp tục chung sống với nhau được, mục đích của cuộc hôn nhân không có sự bình đẳng, hạnh phúc. Do vậy, căn cứ Điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với pháp luật và thực tế.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 18/4/2000; Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/5/2002; Nguyễn Thị Q, sinh ngày 30/4/2004 và Nguyễn Tiến H, sinh ngày 22/9/2008.

Tại phiên hòa giải ngày 05/6/2018, chị Lê, anh Hợp thỏa thuận: Cháu Thùy Linh đã đủ 18 tuổi, đủ sức khỏe để lao động và nuôi sống bản thân, không đề nghị giải quyết việc nuôi con chung với cháu Thùy Linh;

Đối với 3 con chung là Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Q và Nguyễn Tiến H; Anh H nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của các cháu H, Q, H đều có mong muốn được ở với mẹ. HĐXX xét thấy chị L có đủ điều kiện về thu nhập, nơi ở để tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên cần giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cả 3 con chung là phù hợp với nguyên vọng của các bên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các bên không đề nghị giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: Chị L, anh H không yêu cầu giải quyết.

Chị Lê phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56, Điều 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân & gia đình;
Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L

Tuyên xử:

- Cho chị Phan Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tiến H;
- Giao cho chị Phan Thị L tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là: Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/5/2002; Nguyễn Thị Q, sinh ngày 30/4/2004 và Nguyễn Tiến H, sinh ngày 22/9/2008. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị L có quyền yêu cầu các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

- Án phí: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0000310 ngày 10/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã Tri Phương
- Lưu án văn, hồ sơ

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phong

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lụa

Nguyễn Thị Xuyên

Nguyễn Thị Phong